BTVN: THÌ QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH

CHUYÊN ĐỀ: NGỮ PHÁP

MÔN: TIẾNG ANH 11

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

MỤC TIÊU

- ✓ *Ôn đúng, đủ các kiến thức theo hệ thống đề bám sát đề thi thật TN THPT & ĐGNL theo chương trình lớp 11*

e21277 Read about each situation and then choose the right answer.

Question 1. The waiter brought our drinks. We'd already had our soup.
Which came first, **A.** the drinks, or **B.** the soup?

Question 2. I'd seen the film, so I read the book.
Did I first **A.** see the film, or **B.** read the book?

Question 3. The programme had ended, so I rewound the cassette.
Did I rewind the cassette **A.** after, or **B.** before the programme ended?

Question 4. I had an invitation to the party, but I'd arranged a trip to London.
Which came first, **A.** the invitation, or **B.** the arrangements for the trip?

e21278 Add a sentence with the past perfect using the notes.

Question 5. We rushed to the station, but we were too late.
.....(the train / just/go)

Question 6. I didn't have an umbrella, but that didn't matter.
..... (the rain/stop)

Question 7. When I got to the concert hall, they wouldn't let me in.
.....(forget/my ticket)

Question 8. Someone got the number of the car the raiders used.
.....(steal/it/a week before)

Question 9. I was really pleased to see Vicky again yesterday.
.....(not see/her/for ages)

Question 10. Luckily the flat didn't look too bad when my parents called me.
..... (just /clean/it)

Question 11. The boss invited me to lunch yesterday, but I had to refuse the invitation.
.....(already /eat /my sandwiches)

e21279 Choose the correct answer to indicate the mistake in the following sentences

Question 12. Before they <u>came</u> to <u>visit</u> my grandparents, I <u>have</u> already <u>cleaned</u> the house.
A. came **B.** visit **C.** have **D.** cleaned

Question 13. <u>After</u> Jimmy <u>had</u> <u>gone</u> home, I <u>was doing</u> the shopping.
A. had **B.** gone **C.** After **D.** was doing

Question 14. She <u>had</u> <u>come</u> to the cinema <u>before</u> I <u>do</u>.

A. had **B.** come **C.** before **D.** do

Question 15. When they arrived, John goes away.

A. When **B.** arrived **C.** goes **D.** away

Question 16. I had prepared for the exam and am ready to do well.

A. prepared **B.** had **C.** am **D.** do

e21280 Choose the correct answer to indicate the closet sentence to the given one.

Question 17. My sister had gone home before my father arrived.

A. After my sister had gone home, my father arrived.

B. After my father arrived, my sister had gone home.

C. Before my father had arrived, my sister went home.

D. When my sister arrived, my father went home.

Question 18. I had lunch then I took a look around the shops.

A. I had lunch, before I took a look around the shops.

B. I looked around the shops, I had lunch.

C. I looked around the shops, before having lunch.

D. After I had lunch, I looked around the shops.

Question 19. The light had gone out before I got out of the office.

A. When I got out of the office, the light had gone out.

B. I got out of the office, when the light went out.

C. The light went out, I got out of the office.

D. As soon as I had got out of the office, the light had gone out.

Question 20. After he had explained everything clearly, we started our work.

A. We started our work right after he explained everything clearly.

B. By the time we started our work, he had explained everything clearly.

C. Before he explained everything clearly, we started our work.

D. When he had started our work, he had explained everything clearly.

e21281 Choose the best answer to complete the sentence

Question 21. They showed us pictures of volcanic eruptions they _____.

A. take **B.** took **C.** had taken **D.** has taken

Question 22. Susan was late. By the time she got to school the class _____ already.

A. have started **B.** starts **C.** was starting **D.** had started

Question 23. We watched TV after our daughter _____to bed.

A. had gone **B.** go **C.** went **D.** goes

Question 24. We _____ that car for ten years before we sold it.

A. have **B.** did have **C.** had **D.** had had

Question 25. By the time Maria finished her report, she _____ on the computer.

A. has worked **B.** had worked **C.** had been working **D.** have been working

Question 26. When the firemen _____, the fire had completely destroyed the back half of the building.

A. has arrived **B.** were arriving **C.** had arrived **D.** arrived

Question 27. In the evening, the children told their mom what they _____ at the zoo.

A. see **B.** had seen **C.** saw **D.** have seen

Question 28. The streets were wet yesterday because it _____ in the early morning.

A. rained **B.** rains **C.** was raining **D.** had rained

Question 29. We couldn't go into the concert last night because we _____ our tickets.

A. brought **B.** hadn't brought **C.** don't bring **D.** had brought

Question 30. She _____ the ocean before she moved to Vancouver.

A. had never seen **B.** had seen **C.** had never saw **D.** have seen

-----THE END-----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT
THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

1. B 2. A 3. A 4. B

5. The train had just gone.
6. The rain had stopped.
7. I had forgotten my ticket.
8. They had stolen it a week before.
9. I hadn't seen her for ages.
10. I had just cleaned it.
11. I had already eaten my sandwiches.

12. C 13. D 14. D 15. C 16. C 17. A 18. D 19. A 20. B 21. C
22. D 23. A 24. D 25. D 26. D 27. B 28. D 29. B 30. A

1 (NB)
Phương pháp: Suy luận thì hiện tại hoàn thành
Câu nào có "had + V3/ed" => hành động đó xảy ra trước.
Hành động còn lại => xảy ra sau.
Lời giải:
The waiter brought our drinks. We'd already had our soup.
(Phục vụ mang nước. Chúng tôi đã ăn súp rồi.)
had had our soup = ăn súp trước
brought our drinks = mang nước sau
Đáp án: B
2 (NB)
Phương pháp: Suy luận thì hiện tại hoàn thành
Câu nào có "had + V3/ed" => hành động đó xảy ra trước.
Hành động còn lại => xảy ra sau.
Lời giải:
I'd seen the film, so I read the book.
(Tôi đã xem phim rồi, nên tôi đọc sách.)
had seen = xem phim trước
read the book = đọc sách sau
Đáp án: A
3 (NB)
Phương pháp: Suy luận thì hiện tại hoàn thành
Câu nào có had + V3/ed => hành động đó xảy ra trước.
Hành động còn lại => xảy ra sau.
Lời giải:
The programme had ended, so I rewound the cassette.
(Chương trình đã kết thúc, nên tôi tua lại băng.)
had ended = chương trình kết thúc trước
rewound = tua băng sau
Đáp án: A
4 (NB)

Phương pháp: Suy luận thì hiện tại hoàn thành
Câu nào có "had + V3/ed" => hành động đó xảy ra trước.
Hành động còn lại => xảy ra sau.
Lời giải:
I had an invitation to the party, but I'd arranged a trip to London.
(Tôi có thiệp mời dự tiệc, nhưng tôi đã sắp xếp chuyến đi London rồi.)
had arranged = sắp xếp chuyến đi trước
had an invitation = nhận thiệp mời sau
Đáp án: B
5 (VD)
Phương pháp: Viết câu với thì KQHT
Công thức: S + had + PII.
Lời giải:
We rushed to the station, but we were too late.
(Chúng tôi vội đến ga, nhưng đã quá muộn.)
Câu hoàn chỉnh: The train had just gone.
=> tàu đi trước khi họ đến.
Tạm dịch: Tàu vừa mới rời đi rồi.
Đáp án: The train had just gone.
6 (VD)
Phương pháp: Viết câu với thì KQHT
Công thức: S + had + PII.
Lời giải:
I didn't have an umbrella, but that didn't matter.
(Tôi không có ô, nhưng không sao cả.)
Câu hoàn chỉnh: The rain had stopped.
=> Mưa tạnh trước khi bạn cần ô, nên không sao.
Tạm dịch: Mưa đã tạnh rồi.
Đáp án: The rain had stopped.
7 (VD)
Phương pháp: Viết câu với thì KQHT
Công thức: S + had + PII.
Lời giải:
When I got to the concert hall, they wouldn't let me in.
(Khi tôi đến nhà hát, họ không cho tôi vào.)
Câu hoàn chỉnh: I had forgotten my ticket.
=> Quên vé xảy ra trước khi bạn đến.
Tạm dịch: Tôi đã quên vé rồi.
Đáp án: I had forgotten my ticket.
8 (VD)
Phương pháp: Viết câu với thì KQHT
Công thức: S + had + PII.
Lời giải:
Someone got the number of the car the raiders used.
(Ai đó ghi được biển số chiếc xe mà bọn cướp đã dùng.)
Câu hoàn chỉnh: They had stolen it a week before.

=> Ăn trộm xe xảy ra trước vụ cướp.

Tạm dịch: Chúng đã ăn trộm chiếc xe đó 1 tuần trước.

Đáp án: They had stolen it a week before.

9 (VD)

Phương pháp: Viết câu với thì KQHT

Công thức: S + had + PII.

Lời giải:

I was really pleased to see Vicky again yesterday.

(Tôi rất vui khi gặp lại Vicky hôm qua.)

Câu hoàn chỉnh: I hadn't seen her for ages.

=> Không gặp trước khi gặp lại hôm qua.

Tạm dịch: Tôi đã lâu không gặp cô ấy.

Đáp án: I hadn't seen her for ages.

10 (VD)

Phương pháp: Viết câu với thì KQHT

Công thức: S + had + PII.

Lời giải:

Luckily the flat didn't look too bad when my parents called me.

(May là căn hộ không quá bừa khi bố mẹ tôi đến.)

Câu hoàn chỉnh: I had just cleaned it.

=> Dọn nhà trước khi bố mẹ đến.

Tạm dịch: Tôi vừa mới dọn xong.

Đáp án: I had just cleaned it.

11 (VD)

Phương pháp: Viết câu với thì KQHT

Công thức: S + had + PII.

Lời giải:

The boss invited me to lunch yesterday, but I had to refuse the invitation.

(Sếp mời tôi đi ăn trưa hôm qua, nhưng tôi phải từ chối.)

Câu hoàn chỉnh: I had already eaten my sandwiches.

=> Ăn trưa trước khi được mời, nên phải từ chối.

Tạm dịch: Tôi đã ăn xong bánh mì rồi.

Đáp án: I had already eaten my sandwiches.

12 (VD)

Phương pháp: Tìm lỗi sai

Lời giải:

Dịch: Trước khi họ đến thăm ông bà tôi, tôi đã dọn nhà xong rồi.

=> Hành động dọn nhà xảy ra trước => phải dùng thì QKHT

Công thức: S + had + PII

=> sửa: have -> had

Đáp án: C

13 (VD)

Phương pháp: Tìm lỗi sai

Lời giải:

Dịch: Sau khi Jimmy đã về nhà, tôi đang đi mua sắm.

Hành động đi mua sắm xảy ra sau => dùng thì quá khứ đơn vì thì qúa khứ tiếp diễn dùng để diễn tả một hành động đang xảy ra tại một thời điểm trong quá khứ nhưng câu này không đề cập tới một thời điểm cụ thể nào.
=> sửa: was doing -> did

Đáp án: D

14 (TH)

Phương pháp: Tìm lỗi sai

Lời giải:

Dịch: Cô ấy đã đến rạp chiếu phim trước khi tôi đến.
Hành động tới sau xảy ra sau một hành động khác trong quá khứ => phải dùng thì QKĐ
=> sửa: do -> did

Đáp án: D

15 (TH)

Phương pháp: Tìm lỗi sai

Lời giải:

Dịch: Khi họ đến, John đi khỏi.
Hành động đi khỏi xảy ra trước khi họ đến (họ tới thì đã đi rồi) => phải chia ở thì QKHT
=> sửa: goes -> had gone

Đáp án: C

16 (TH)

Phương pháp: Tìm lỗi sai

Lời giải:

Dịch: Tôi đã chuẩn bị cho kỳ thi và sẵn sàng để làm tốt.
Hành động sẵn sàng để làm tốt xảy ra sau một hành động đã xảy ra trong QK => phải dùng thì QKĐ
=> sửa: am -> was

Đáp án: C

17 (TH)

Phương pháp: Viết lại câu

Lời giải:

My sister had gone home before my father arrived.
(Chị tôi đã về nhà trước khi bố tôi đến.)
Hành động 1 (sớm hơn): chị tôi đã về => quá khứ hoàn thành (had gone)
Hành động 2 (muộn hơn): bố tôi đến => quá khứ đơn (arrived)
=> Viết lại: After my sister had gone home, my father arrived.

Đáp án: A

18 (VD)

Phương pháp: Viết lại câu

Lời giải:

I had lunch then I took a look around the shops.
(Tôi đã ăn trưa, rồi tôi đi xem quanh các cửa hàng.)
Hành động ăn trưa xong => mới đi xem đồ.
Câu A đúng về mặt ngữ nghĩa nhưng nếu dùng before giữa câu thì câu không có dấu phẩy => loại
=> Viết lại: After I had lunch, I looked around the shops.

Đáp án: D

19 (TH)

Phương pháp: Viết lại câu

Lời giải:

The light had gone out before I got out of the office.
(Đèn đã tắt trước khi tôi rời văn phòng.)
Hành động 1: đèn tắt => past perfect
Hành động 2: tôi ra khỏi văn phòng => past simple
=> Viết lại: When I got out of the office, the light had gone out.
Đáp án: A
20 (VD)
Phương pháp: Viết lại câu
Lời giải:
After he had explained everything clearly, we started our work.
(Sau khi anh ấy đã giải thích rõ ràng mọi thứ, chúng tôi bắt đầu làm việc.)
Hành động 1: giải thích rõ ràng => past perfect
Hành động 2: bắt đầu làm việc => past simple
=> Viết lại: By the time we started our work, he had explained everything clearly.
Đáp án: B
21 (TH)
Phương pháp: Thì quá khứ hoàn thành
Lời giải:
They showed us pictures of volcanic eruptions they _____.
(Họ cho chúng tôi xem những bức ảnh về các vụ phun trào núi lửa mà họ đã...)
=> Hành động chụp ảnh xảy ra trước hành động cho xem nên dùng quá khứ hoàn thành.
Tạm dịch: Họ cho chúng tôi xem những bức ảnh về các vụ phun trào núi lửa mà họ đã
Đáp án: C
22 (TH)
Phương pháp: Thì quá khứ hoàn thành
Lời giải:
Susan was late. By the time she got to school the class _____ already.
(Susan đến trễ. Lúc cô ấy đến trường thì lớp đã...)
=> By the time + past simple => vế kia dùng past perfect (quá khứ hoàn thành) -> lớp học bắt đầu **trước** khi Susan đến.
Tạm dịch: Susan đến trễ. Lúc cô ấy đến trường thì lớp đã bắt đầu
Đáp án: D
23 (VD)
Phương pháp: Thì quá khứ hoàn thành
Lời giải:
We watched TV after our daughter _____ to bed.
(Chúng tôi xem TV sau khi con gái chúng tôi...)
Hành động đi ngủ xảy ra trước khi xem TV => dùng past perfect
Tạm dịch: Sau khi con gái đã đi ngủ, chúng tôi mới xem TV.
Đáp án: A
24 (TH)
Phương pháp: Thì quá khứ hoàn thành
Lời giải:
We _____ that car for ten years before we sold it.
(Chúng tôi đã ….chiếc xe đó 10 năm trước khi bán nó.)
Có hành động kéo dài trong quá khứ trước hành động bán nó => dùng past perfect

Tạm dịch: Chúng tôi đã sở hữu chiếc xe đó 10 năm trước khi bán.

Đáp án: D

25 (TH)

Phương pháp: Thì quá khứ hoàn thành

Lời giải:

By the time Maria finished her report, she _____ working on the computer.

Đến khi Maria hoàn thành bản báo cáo, cô ấy đã làm việc...)

Hành động xảy ra trước một hành động trong quá khứ => dùng past perfect

Tạm dịch: Khi Maria hoàn thành báo cáo, cô ấy đã làm việc trên máy tính.

Đáp án: D

26 (VD)

Phương pháp: Thì quá khứ đơn

Lời giải:

When the firemen _____, the fire had completely destroyed the back half of the building.

(Khi lính cứu hỏa đến, ngọn lửa đã phá hủy...)

Hành động xảy ra sau một hành động trong quá khứ => dùng QKĐ

Tạm dịch: Khi lính cứu hỏa đến, ngọn lửa đã phá hủy toà nhà.

Đáp án: D

27 (TH)

Phương pháp: Thì quá khứ hoàn thành

Lời giải:

In the evening, the children told their mom what they _____ at the zoo.

Tối đó, bọn trẻ kể với mẹ những gì chúng...ở sở thú)

Hành động kể với mẹ xảy ra sau => vế còn lại là hành động xảy ra trước nên dùng thì QKHT

Tạm dịch: Bọn trẻ kể lại những gì chúng đã thấy ở sở thú.

Đáp án: B

28 (TH)

Phương pháp: Thì quá khứ hoàn thành

Lời giải:

The streets were wet yesterday because it _____ in the early morning.

(Đường ướt vì buổi sáng sớm trời đã...)

Việc mưa xảy ra trước khi đường ướt => dùng QKHT

Tạm dịch: Vì trời đã mưa buổi sáng, nên đường ướt.

Đáp án: D

29 (VD)

Phương pháp: Thì quá khứ hoàn thành

Lời giải:

We couldn’t go into the concert last night because we _____ our tickets.

(Chúng tôi không thể vào vì chúng tôi...)

Lý do xảy ra trước hành động không vào được => dùng thì QKHT

Tạm dịch: Vì chúng tôi chưa mang vé theo nên không vào được.

Đáp án: B

30 (VD)

Phương pháp: Thì quá khứ hoàn thành

Lời giải:

She _____ the ocean before she moved to Vancouver.

(Cô ấy chưa từng thấy đại dương trước khi chuyển đến Vancouver.)
Hành động chưa từng thấy xảy ra trước khi chuyển
Tạm dịch: Cô ấy chưa từng thấy biển trước khi chuyển đến Vancouver.
Đáp án: A